

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2166/TTr-SKHĐT ngày 30/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Danh mục và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

- Thủ tục hành chính có số thứ tự 105, 106, 107, 108 trong lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh;

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

Phụ lục I

**CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC
(ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC; LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘ KINH DOANH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ
GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH****A1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BỔ SUNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức dịch vụ công
Lĩnh vực Đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các tài trợ nước ngoài				
1	2.002551. 000.00.00.H10	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	5	Toàn trình

A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

Lĩnh vực Đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các tài trợ nước ngoài				
1	1.008423. 000.00.00.H10	Quyết định đầu tư chương trình dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	15	Toàn trình
2	2.001991. 000.00.00.H10	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	18	Toàn trình
3	2.002053. 000.00.00.H10	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	24	Toàn trình

4	2.002050. 000.00.00.H10	Kế hoạch thực hiện chương trình, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	26	Toàn trình
---	----------------------------	--	----	------------

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh				
1	1.001612. 000.00.00.H10	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	28	Toàn trình
2	2.000720. 000.00.00.H10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	35	Toàn trình
3	1.001570. 000.00.00.H10	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	51	Toàn trình
4	1.001266. 000.00.00.H10	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	55	Toàn trình
5	2.000575. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	59	Toàn trình

Phụ lục II**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**A1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI BỔ SUNG****1. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài****a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nộp trực tuyến hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) gửi hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan;

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) thông báo đến đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, sau khi hoàn chỉnh nộp lại hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập).

Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) tổng hợp ý kiến góp ý bằng văn bản của đơn vị có chức năng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Bước 5: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Bước 6: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (đồng thời kết quả được đính kèm theo hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Dịch vụ công).

- Bước 7: Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

* Trường hợp các nội dung của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án không quy định tại khoản 7 của Điều 14 Nghị định 114/2021/NĐ-CP có thay đổi so với nội dung chính Đề xuất chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13: Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị trực thuộc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh Đề xuất chương trình, dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 13 trước khi thực hiện trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm:

(a) Tờ trình đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

(b) Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;

(c) Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

(d) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IIa, Ib, Ic kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

(đ) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trong giai đoạn trước (đối với các chương trình, dự án thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục thực hiện trong giai đoạn mới).

(e) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:**

- 01 bộ gốc

d) Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 45 ngày.

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định cơ sở (nếu thành lập).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Hội đồng nhân dân tỉnh.

h) Lệ phí:

- Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVa kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án theo mẫu tại Phụ lục IIIc kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;
- Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục IVb kèm theo Nghị định Số 114/2021/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):

- Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019,
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục IVa**MẪU TỜ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI***(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)***TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***..., ngày...tháng...năm...***TỜ TRÌNH****Quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án**

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019,

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên chương trình/dự án:
2. Cơ quan chủ quản:
3. Chủ chương trình, dự án (dự kiến):
4. Nhà tài trợ, đồng tài trợ (nếu có):
5. Mục tiêu:
6. Quy mô và nội dung đầu tư:
7. Dự án nhóm:
8. Thời gian thực hiện:
9. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án:

10. Tổng vốn thực hiện chương trình, dự án (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra nguyên tệ và đô la Mỹ, gồm:

- Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ;

- Nguồn vốn đối ứng và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ.

11. Cơ chế tài chính trong nước:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN NHÓM A, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Nội dung Đề xuất chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nêu đầy đủ quá trình triển khai xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án và những nội dung có thay đổi so với Đề xuất chương trình, dự án đã được phê duyệt (nếu có).

- Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án giai đoạn trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

- Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình/dự án.

- Các nội dung khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện chương trình/dự án).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục IVb

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN
KHẢ THI, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG
TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm...

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo
đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án ...**

Kính gửi: (Tên cơ quan trình thẩm định).

Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) nhận được Tờ trình số ngày ... tháng năm ... của cơ quan (Tên cơ quan trình) trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên đề nghị thẩm định). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên) như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án.
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ.
4. Ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan thẩm định theo quy định tại Điều 33 của Luật Đầu tư công.
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.
3. Các căn cứ pháp lý khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:
2. Đơn vị phối hợp thẩm định:
3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN.

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên chương trình/dự án:
2. Cơ quan chủ quản:
3. Chủ chương trình/dự án (dự kiến):
4. Nhà tài trợ, đồng tài trợ (nếu có):
5. Mục tiêu:
6. Quy mô và nội dung đầu tư:
7. Dự án nhóm:
8. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư):
9. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:
10. Tổng vốn thực hiện chương trình/dự án (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra nguyên tệ và đô la Mỹ, gồm:
 - Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ;
 - Nguồn vốn đối ứng và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ.
11. Cơ chế tài chính trong nước
12. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công. Nghị định của Chính phủ.

Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có)....

(Trong tình trường hợp cụ thể cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Chương trình/Dự án (Tên) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư chương trình/dự án, đề nghị cơ quan (Tên cơ quan trình) xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (nếu chấp thuận đề xuất của cơ quan trình).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

*(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)*

Tên người đại diện

Phụ lục IIIe

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI
(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên chương trình, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình; sự phù hợp đối với chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và của nhà tài trợ nước ngoài.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng, nguồn cung cấp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn hợp pháp khác, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
6. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại.
7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

8. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

9. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình.

10. Các hoạt động thực hiện trước: Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản. Mã số TTHC: 1.008423. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Chủ chương trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và nộp trực tuyến hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình.

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và nộp lại cho Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập).

Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) tổng hợp ý kiến các đơn vị, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công và dự thảo quyết định đầu tư chương trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình.

Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho chủ chương trình (đồng thời kết quả được đính kèm theo hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Dịch vụ công).

Bước 6: Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho chủ chương trình.

- Dự án không có cấu phần xây dựng:

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và nộp trực tuyến hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa chỉ, số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công;

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đầu tư (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập).

Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho chủ đầu tư (đồng thời kết quả được đính kèm theo hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Dịch vụ công).

Bước 6: Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho chủ đầu tư.

- Trình tự lập thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan đến quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ dự án quan trọng quốc gia.

- Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại, việc lập, thẩm định chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và phải được thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình thẩm định chương trình, dự án

- Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án

- Các tài liệu khác có liên quan

*** Số lượng hồ sơ:** 05 bộ tài liệu

d) Thời hạn giải quyết:

Thời gian quyết định đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- Chương trình đầu tư công: Không quá 20 ngày;
- Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;
- Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định cơ sở (nếu thành lập).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đầu tư chương trình, dự án.

h) Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019,
 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
-

2. Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư). Mã số TTHC: 2.001991. 000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ CP và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức quản lý và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị dự án nộp trực tuyến hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa chỉ, số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có);

(Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan).

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có văn bản góp ý về những nội dung của Văn kiện dự án, phi dự án và những vấn đề cần thiết có liên quan, trong đó lưu ý các nội dung: sự cần thiết và các mục tiêu, kết quả chủ yếu; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định dự án, phi dự án với các nội dung gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Bước 5: Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, căn cứ kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Văn kiện dự án.

Nội dung chính của Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án gồm (i) Tên dự án, phi dự án; (II) Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài

(nếu có); (iii) Tên cơ quan chủ quản, chủ dự án; (iv) Thời gian, địa điểm thực hiện; (v) Mục tiêu, hoạt động và kết quả; (vi) Tổ chức quản lý; (vii) Phương thức thực hiện; (viii) Tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn gồm: Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam) và vốn đối ứng (đồng Việt Nam); (ix) Các nội dung khác.

Bước 6. Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân tỉnh và các tài liệu liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Bước 7: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị xem xét tài trợ.

Bước 8: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho chủ đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị dự án (đồng thời kết quả được đính kèm theo hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Dịch vụ công).

Bước 9: Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho chủ đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị dự án.

- Đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 114/2021/NĐ-CP:

Sở Kế hoạch và Đầu tư không tổ chức thẩm định. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản lấy ý kiến.

- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án.

- Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án.

- Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi

nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ (Riêng Văn kiện dự án, phi dự án: 08 bộ).

đ) Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

i) Lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo mẫu tại Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đầu tư công năm 2019,
- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục V**MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG
VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

(Kèm theo Nghị định số 114 /2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ

nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham

gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực

hiện dự án của chủ dự án.

IX. TẶNG VỐN DỰ ÁN

Nếu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).

2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

3. Cơ chế tài chính.

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

Phụ lục VI**MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG
VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến.
5. Địa điểm thực hiện.

II. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phí dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

V. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Cơ chế tài chính.

VI. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

3. Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng. Mã số TTHC: 2.002053.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án. Chủ chương trình, chủ dự án nộp trực tuyến hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Địa chỉ, số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công gửi hồ sơ chương trình, dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả cho chủ đầu tư hoặc đơn vị chuẩn bị dự án (đồng thời kết quả được đính kèm theo hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Dịch vụ công).

- Bước 5: Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả cho chủ chương trình, chủ đầu tư.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt

h) Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công năm 2019;
 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
-

4. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm. Mã số TTHC: 2.002050.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét chuẩn bị hồ sơ nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi văn bản qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi văn bản trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hằng năm của tỉnh.

Bước 2. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm.

Bước 3. Hằng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh.

- Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, vào cùng thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án có trách nhiệm tự cân đối đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện của chương trình, dự án.

- Đối với chương trình, dự án vay lại một phần từ ngân sách nhà nước: Tùy theo tính chất của từng hợp phần chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ hay cho vay lại), chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch của chương trình, dự án tương ứng với từng hợp phần của chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1, 2, 7 Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm gồm thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, bao gồm cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết: Không có

đ) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm được phê duyệt

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công.
 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.
-

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC CẤP HUYỆN

Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh

1. Đăng ký thành lập hộ kinh doanh. Mã số TTHC 1.001612.000.00.00.H10.:

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

- Người thành lập hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh thực hiện đăng ký hộ kinh doanh trên Cổng dịch vụ công của tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc gửi trực tiếp hồ sơ đến Bộ phận một cửa cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh.

- Khi tiếp nhận hồ sơ (**trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucongbinhphuoc.gov.vn>) hoặc trực tiếp**), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận và trao Giấy biên nhận (hoặc sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử nếu nộp hồ sơ trực tuyến).

Bước 2: Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật và xử lý 01 hồ sơ đồng thời trên 02 phần mềm đối với hồ sơ nộp trực tuyến trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và sau đó cập nhật trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang <http://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>)).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy (nếu Doanh nghiệp chưa có tạo lập hồ sơ điện tử) và tải lên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang dangkyhkd.dkkd.gov.vn).

Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền thông tin đăng ký thành lập hộ kinh doanh sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký thành lập hộ kinh doanh từ hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế.

- Trường hợp thông tin phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động tạo mã số hộ kinh doanh và thực hiện phân cấp cơ quan thuế quản lý đối với hộ kinh doanh; đồng thời truyền các thông tin này sang hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Trường hợp thông tin không phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;

Trên cơ sở thông tin do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế cung cấp, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp cho người thành lập hộ kinh doanh; trường hợp

hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải ra Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện cập nhật kết quả giải quyết trên **Cổng dịch vụ công của tỉnh** và kết thúc hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

Bước 3: Trả kết quả: Phòng Tài chính – Kế hoạch chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số trên phần mềm đăng ký trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nội dung này sẽ thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến):**

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công: <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(i) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;

(ii) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(iv) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, đại diện hộ gia đình.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

h) Lệ phí: 100.000 đồng/lần cấp (Theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước).

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (Phụ lục III-1, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

(i) Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 88 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;
- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

(ii) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại

giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 02/2023/T7-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Mã số thuế cá nhân (nếu có):

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Căn cước công dân Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Có giá trị đến ngày (nếu có): .../.../.....

Địa chỉ thường trú:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Đăng ký hộ kinh doanh do tôi là chủ hộ với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Đánh dấu x để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
-----	-----------	----------	---

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động³ (trường hợp hộ kinh doanh dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này): /.../.../.....

5.3. Tổng số lao động (dự kiến):

5.4. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh (Chỉ kê khai khi có địa điểm kinh doanh khác trụ sở hộ kinh doanh):

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngày bắt đầu
-----	-------------------------	--------------------	--------------

¹ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm:

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

² Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do (free text) và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

³ Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh. Mã số TTHC: 2.000720.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

- Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

- Khi thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều 90 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.

- Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.

- Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa chỉ trụ sở sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt trụ sở mới.

- Khi tiếp nhận hồ sơ (**trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucongbinhphuoc.gov.vn>) hoặc trực tiếp**), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận và trao Giấy biên nhận (hoặc sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử nếu nộp hồ sơ trực tuyến).

Bước 2: Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật và xử lý 01 hồ sơ đồng thời trên 02 phần mềm đối với hồ sơ nộp trực tuyến trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và sau đó cập nhật trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang <http://dangkyhkd.dkhd.gov.vn>)).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy (nếu Doanh nghiệp chưa có tạo lập hồ sơ điện tử) và tải lên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang dangkyhkd.dkhd.gov.vn).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện cập nhật kết quả giải quyết trên **cổng dịch vụ công của tỉnh** và kết thúc hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng

văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.

- Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cũ.

Bước 3: Trả kết quả: Phòng Tài chính – Kế hoạch chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số trên phần mềm đăng ký trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nội dung này sẽ thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến):**

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công: <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều 90 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:

(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;

(ii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

- Đối với trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh:

(i) Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh cũ và chủ hộ kinh doanh mới ký hoặc do chủ hộ kinh doanh mới ký trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;

(ii) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán hộ kinh doanh; hợp đồng tặng cho đối với trường hợp tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;

(iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thay đổi chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(iv) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. Sau khi bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh, hộ kinh doanh vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của hộ kinh doanh phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh, người mua, người được tặng cho, người thừa kế và chủ nợ của hộ kinh doanh có thỏa thuận khác.

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyên địa chỉ trụ sở sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt trụ sở mới:

(i) Bản sao Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;

(ii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.

đ) Cơ quan thực hiện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) *Đòi tượng thực hiện thủ tục hành chính:*

Hộ kinh doanh.

g) *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ.

h) *Lệ phí:* 30.000 đồng/lần cấp (Theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước).

- *Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.*

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- *Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (Phụ lục III-2, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);*

- *Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh (Phụ lục III-3, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).*

k) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:*

(i) Chủ hộ kinh doanh có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

(ii) Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cũ.

(iii) Hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của hộ kinh doanh được đặt theo đúng quy định tại Điều 88 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;
- Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

(iv) *Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:*

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều) Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỘ KINH DOANH

Tên hộ kinh doanh sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ HỘ KINH DOANH**Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

.....

Xã/Phường/Thị trấn:

.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

.....

Tỉnh/Thành phố:

.....

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hộ kinh doanh thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh).

Hộ kinh doanh cam kết trụ sở hộ kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA HỘ
KINH DOANH**

Danh sách các thành viên hộ gia đình tham gia hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp CCCD/CMND	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN KINH DOANH

Vốn kinh doanh đã đăng ký (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

.....

Vốn kinh doanh sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

.....

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH²

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành ³	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp một trong các ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)
-----	---	-----------------------	---

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành ⁴	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)
-----	--	-----------------------	--

3. Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh chính⁵ (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính và trong trường hợp thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh chính):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
-----	----------------------------	----------

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hộ kinh doanh kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh được bổ sung tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh được bỏ tại mục 2.

² - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

^{3,4} Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do (free text) và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁵ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

1. Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới
- Chỉ tiêu 5.1: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai Phụ lục III-1		
- ...		

2. Đăng ký địa điểm kinh doanh (Đối với trường hợp phát sinh thêm địa điểm kinh doanh):

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh				Ngày bắt đầu hoạt động
		Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	

THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Hộ kinh doanh bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC III-3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm....

THÔNG BÁO**Thay đổi chủ hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số hộ kinh doanh/Mã số thuế:

.....

Mã số đăng ký hộ kinh doanh:

.....

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

.....

Email (nếu có): Website (nếu có):

.....

Đăng ký thay đổi chủ hộ kinh doanh với các nội dung sau:

Thay đổi chủ hộ kinh doanh do (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành viên hộ gia đình ủy quyền cho người khác là chủ hộ kinh doanh
- Tặng cho hộ kinh doanh
- Bán hộ kinh doanh
- Thừa kế hộ kinh doanh

1. Người tặng cho/Người bán/Người chết/Chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

 Căn cước công dân Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Có giá trị đến ngày (nếu có):/...../.....

Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

2. Người được tặng cho/Người mua/Người thừa kế/Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Căn cước công dân

Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Có giá trị đến ngày (nếu có): .../.../....

Địa chỉ thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

.....
Chúng tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**CHỦ HỘ KINH DOANH SAU KHI
THAY ĐỔI**

(Ký và ghi họ tên)¹

**CHỦ HỘ KINH DOANH TRƯỚC KHI
THAY ĐỔI**

(Ký và ghi họ tên)²

¹ Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần này trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi ký trực tiếp vào phần này.

3. Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh. Mã số TTHC: 1.001570.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

- Trường hợp hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, hộ kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đã đăng ký ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

- Khi tiếp nhận hồ sơ (**trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucongbinhphuoc.gov.vn>) hoặc trực tiếp**), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận và trao Giấy biên nhận (hoặc sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử nếu nộp hồ sơ trực tuyến).

Bước 2: Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật và xử lý 01 hồ sơ đồng thời trên 02 phần mềm đối với hồ sơ nộp trực tuyến trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và sau đó cập nhật trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang <http://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>)).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy (nếu Doanh nghiệp chưa có tạo lập hồ sơ điện tử) và tải lên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang dangkyhkd.dkkd.gov.vn).

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo cho hộ kinh doanh;

Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện cập nhật kết quả giải quyết trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và kết thúc hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

Bước 3: Trả kết quả: Phòng Tài chính – Kế hoạch chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số trên phần mềm đăng ký trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nội dung này sẽ thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến):**

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công: <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

(i) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh;

(ii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh (Phụ lục III-4, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

(i) Trường hợp tạm ngừng kinh doanh từ 30 ngày trở lên, hộ kinh doanh phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

(ii) Hộ kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đã đăng ký ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

(iii) Có hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hợp lệ.

(iv) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/T7-BKHĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC III-4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm....

THÔNG BÁO**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hộ kinh doanh/Mã số thuế:

Mã số đăng ký hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....**Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo như sau:***1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:*

Thời gian tạm ngừng: kể từ ngày .../... /... đến hết ngày .../... /....

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH*(Ký và ghi họ tên)¹*

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

4. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. Mã số TTHC: 1.001266.000.00.00.H10

a) *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

- Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.

- Hộ kinh doanh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện trước khi nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh và chủ nợ có thỏa thuận khác.

- Khi tiếp nhận hồ sơ (**trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucongbinhphuoc.gov.vn>) hoặc trực tiếp**), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận và trao Giấy biên nhận (hoặc sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử nếu nộp hồ sơ trực tuyến).

Bước 2: Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật và xử lý 01 hồ sơ đồng thời trên 02 phần mềm đối với hồ sơ nộp trực tuyến trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và sau đó cập nhật trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang <http://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>)).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sau khi tiếp nhận hồ sơ nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy (nếu Doanh nghiệp chưa có tạo lập hồ sơ điện tử) và tải lên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang dangkyhkd.dkkd.gov.vn).

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh. Sau khi thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện cập nhật kết quả giải quyết trên **cổng dịch vụ công của tỉnh** và kết thúc hồ sơ.

Bước 3: Trả kết quả: Phòng Tài chính – Kế hoạch chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số trên phần mềm đăng ký trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nội dung này sẽ thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến):**

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công: <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ:***

(i) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh;

(ii) Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Cơ quan thuế;

(iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;

(iv) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

**** Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện ghi nhận việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (Phụ lục 1-5, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

(i) Có đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

(ii) Hộ kinh doanh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện trước khi nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh và chủ nợ có thỏa thuận khác.

(iii) Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC III-5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày..... tháng..... năm....

THÔNG BÁO**Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh/Mã số thuế:

Mã số đăng ký hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Thông báo chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh kể từ ngày /...../.....

Hộ kinh doanh cam kết:

- Đã thanh toán đầy đủ/thỏa thuận với chủ nợ đối với các khoản nợ, bao gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác chưa thực hiện;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Mã số TTHC: 2.000575.000.00.00.H10

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hộ kinh doanh có thể gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh.

- Khi tiếp nhận hồ sơ (**trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucongbinhphuoc.gov.vn>) hoặc trực tiếp**), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận và trao Giấy biên nhận (hoặc sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử nếu nộp hồ sơ trực tuyến).

Bước 2: Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật và xử lý 01 hồ sơ đồng thời trên 02 phần mềm đối với hồ sơ nộp trực tuyến trên **Cổng Dịch vụ công của tỉnh** và sau đó cập nhật trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh (tại trang <http://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>)).

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện cập nhật kết quả giải quyết trên **cổng dịch vụ công của tỉnh** và kết thúc hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

- Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới thì Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các lần trước đó không còn hiệu lực.

Bước 3: Trả kết quả: Phòng Tài chính – Kế hoạch chuyển kết quả đến Bộ phận một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số trên phần mềm đăng ký trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nội dung này sẽ thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến):**

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số để ký xác thực hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trả giấy biên nhận hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho người nộp hồ sơ qua mạng thông tin điện tử theo quy trình trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công: <http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>.

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện.

c) Thành phần, Số lượng hồ sơ:*** Thành phần hồ sơ:**

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ:** 0 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

đ) Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp lại cho hộ kinh doanh.

h) Lệ phí: 30.000 đồng/lần cấp (Theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước).

- Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Phụ lục II]- 6, Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử được chấp thuận khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy. Chủ hộ kinh doanh, các thành viên hộ gia đình hoặc cá nhân khác ký tên trong hồ sơ đăng ký hộ kinh

doanh có thể sử dụng chữ ký số đề ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 5g (bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐĐT);

- Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh được kê khai trên hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

- Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số của chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

Ghi chú: Các nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung so với Quyết định số 885/0Đ-BKHĐĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được viết bằng chữ in nghiêng.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

PHỤ LỤC III-6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... tháng..... năm....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hộ kinh doanh/Mã số thuế:

Mã số đăng ký hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):..... Website (*nếu có*):.....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(*Ký và ghi họ tên*)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.